TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **43**/2025/HS-PT
Ngày: 24 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Kim Trường

ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thuý Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: ông Vũ Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Lường Văn T, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hoà Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Phú Thọ) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 - Phú Thọ).

1. Bị cáo bị kháng nghị, không có kháng cáo:

LƯỜNG VĂN T, sinh ngày 06/6/1970. Nơi cư trú: xóm N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm N, xã T, tỉnh Phú Thọ); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lường Văn Đ (đã chết) và con bà Xa Thị H (đã chết); vợ là: Xa Thị T1, sinh năm 1979 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 23/12/2024.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Xa Văn H1, sinh năm 1982. Trú tại: xóm M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm M, xã T, tỉnh Phú Thọ).

- Chị Quách Thị H2, sinh năm 1980. Trú tại: xóm H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm M, xã T, tỉnh Phú Thọ).

Bị cáo T tại ngoại, có mặt tại phiên toà. Anh H1, chị H2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Do có nhu cầu cần tiền để mua máy móc phục vụ sản xuất, anh Xa Văn H1 đến nhà Lường Văn T để hỏi vay số tiền 30.000.000đ. Thân viết giấy vay thể hiện giao dịch vào 01 quyển sổ tại nhà riêng của T, nhưng không thể hiện lãi xuất cho vay, cả hai bên thống nhất số tiền lãi là 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày, mỗi tháng sẽ phải đóng tiền lãi trả cho T là 2.700.000đ. Ngày 07/12/2024, anh H1 đến nhà của T để chốt lại số tiền gốc và lãi của khoản vay, cụ thể: anh H1 đã trả cho T 09 lần tiền lãi, tổng số là 41.600.000đ. Trong đó, tiền lãi tương ứng với mức cao nhất (20%) theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 7.594.521đ, số tiền lãi thu bất chính là 34.005.479đ. Hiện anh H1 còn nợ 30.000.000đ tiền gốc và chưa trả cho T.

2. Do có nhu cầu để giải quyết công việc cá nhân, chị H2 đã đến nhà T để hỏi vay số tiền 20.000.000đ, T đồng ý cho chị H2 vay và viết nội dung giao dịch vay tiền vào 01 quyển sổ tại nhà riêng của T, nhưng không thể hiện lãi suất cho vay, cả hai bên thống nhất tiền lãi là 3.000đ/1.000.000đ/ ngày, mỗi tháng sẽ trả tiền lãi trên tổng số tiền gốc vay 20.000.000đ là 1.800.000đ. Từ khi vay chị H2 đã trả cho T 03 lần với tổng số tiền lãi là 7.100.000đ. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất (20%) theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 1.293.151đ, số tiền thu lời bất chính là 5.806.849đ. Hiện chị H2 còn nợ 20.000.000đ tiền gốc và chưa trả cho T.

Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định: Tuyên bố bị cáo Lường Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 46; khoản 1 khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử phạt: bị cáo T số tiền 50.000.000đ. Số tiền bị cáo T đã nộp 19.134.000đ được khấu trừ số tiền phạt 50.000.000đ. Bị cáo T còn phải nộp phạt số tiền 30.866.000đ. Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung công quỹ Nhà nước của Lường Văn T số tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi xuất của Bộ luật Dân sự quy định 8.887.672đ; Buộc bị cáo T phải trả lại số tiền lãi thu vượt mức quy định

tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 39.812.328đ cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, trong đó: trả cho anh Xa Văn H1 số tiền 34.005.479đ; Trả cho chị Quách Thị H2 số tiền 5.806.849đ. Anh Xa Văn H1 phải nộp lại số tiền gốc 30.000.000đ và chị Quách Thị H2 phải nộp lại số tiền gốc 20.000.000đ vay của bị cáo Lường Văn T để sung công quỹ Nhà nước. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ ra quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-VKS, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về mức tiền phạt và việc khấu trừ tiền khắc phục hậu quả vào hình phạt chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ rút kháng nghị mức tiền phạt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận việc rút kháng nghị và đình chỉ xét xử phúc thẩm về mức tiền phạt đối với bị cáo T. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hoà Bình, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ theo hướng không khấu trừ tiền khắc phục hậu quả vào hình phạt chính.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[1.2]. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án cấp sơ thẩm tuyên án, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp đã ban hành quyết định kháng nghị bản án. Căn cứ Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng nghị trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lường Văn T một lần nữa thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể: bị cáo đã có hành vi cho anh Xa Văn H1 và chị Quách Thị H2 vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, số tiền lãi tính theo thỏa thuận

đã vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự là 5,5 lần. Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho anh H1, chị H2 vay là 39.812.328đ (trong đó thu của anh H1 là 34.005.479đ và thu chị Quách Thị H2 5.806.849đ). Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án nhân dân huyện Đ đã xét xử bị cáo về Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ theo hướng sửa nội dung trong phần Quyết định về mức tiền phạt và việc khấu trừ tiền khắc phục hậu quả vào hình phạt chính.

[2.2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ rút một phần kháng nghị về mức tiền phạt. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, tự nguyện khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và xử phạt bị cáo T với hình phạt tiền 50.000.000đ là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát rút kháng nghị về mức tiền phạt nên căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát, đình chỉ xét xử kháng nghị về mức tiền phạt.

[2.2.2]. Đối với kháng nghị về việc khấu trừ số tiền khắc phục hậu quả vào hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối chiếu với các quy định của pháp luật thì số tiền 19.134.000đ không được khấu trừ vào hình phạt chính mà chỉ được khấu trừ khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra điều này phù hợp với ý kiến của bị cáo về mục đích khi nộp tiền, cụ thể bị cáo nộp là để khắc phục số tiền lãi thu vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của anh Xa Văn H1, chị Quách Thị H2. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm khấu trừ khoản tiền 19.134.000đ vào hình phạt chính là không đúng quy định. Cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng không khấu trừ số tiền khắc phục hậu quả vào hình phạt chính.

Số tiền 19.134.000đ nêu trên được khấu trừ để trả cho những người có quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan anh Xa Văn H1, chị Quách Thị H2. Tổng số tiền bị cáo phải trả cho anh H1 và chị H2 là 39.812.328đ, trong đó: trả cho anh H1 số tiền 34.005.479đ, chiếm khoảng 85,4% (đã làm tròn) trong tổng số tiền 19.134.000đ tương ứng với số tiền là 16.340.436đ và trả cho chị H2 5.806.849đ, chiếm khoảng 14,6% (đã làm tròn) trong tổng số tiền 19.134.000đ, tương ứng với số tiền 2.793.564. Như vậy, sau khi khấu trừ thì bị cáo T còn phải trả lại số tiền lãi thu vượt mức quy định cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho anh Xa Văn H1 số tiền: 34.005.479đ - 16.340.436đ = 17.665.043đ.

- Trả cho chị Quách Thị H2 số tiền: 5.806.849đ - 2.793.564đ = 3.013.285đ.

[2.2.3]. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALXAY A05S, màu xanh của bị cáo T, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định chiếc điện thoại là phương tiện bị cáo dùng vào việc liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại, sung công quỹ nhà nước là có căn cứ. Tuy nhiên, nội dung này chỉ ghi ở phần nhận định còn phần quyết định không có. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung nội dung này trong quyết định của bản án.

[2.3]. Về án phí: Do bản án bị kháng nghị nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đối với số tiền phải trả cho những người liên quan bị điều chỉnh nên cần sửa lại án phí dân sự cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 342 và điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Phú Thọ) về mức tiền phạt.

2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hoà Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Phú Thọ). Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (nay là Toà án nhân dân khu vực 14 - Phú Thọ) về việc không khấu trừ tiền khắc phục hậu quả vào hình phạt chính, cụ thể:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Lường Văn T phạm Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt: bị cáo Lường Văn T số tiền: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng).*

2.2. Về biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46 và khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Anh Xa Văn H1 phải nộp lại số tiền gốc 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* đã vay của bị cáo Lường Văn T để sung vào ngân sách nhà nước.

- Chị Quách Thị H2 phải nộp lại số tiền gốc 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* đã vay của bị cáo Lường Văn T để sung vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền lãi thu tương ứng với mức lãi suất của Bộ luật Dân sự đối với Lường Văn T là 8.887.672đ (*Tám triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng).*

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALXAY A05S, màu xanh, số IMEI 1 356480628364782, IME 2 357498648364789 bên trong có lắp 01 sim ghi dãy số 8984048008812840659. Được niêm phong trong phong bì, tại mép dán có chữ kỹ của các thành phần tham gia, dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ.

- Buộc bị cáo Lường Văn T phải trả lại số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 39.812.328đ cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, trong đó: trả cho anh Xa Văn H1 số tiền 34.005.479đ; Trả cho chị Quách Thị H2 số tiền 5.806.849đ. Khấu trừ với với số tiền 19.134.000đ (trong đó, khấu trừ trả cho anh H1 là 16.340.436đ và chị Quách Thị H2 là 2.793.564đ) do bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả (có trong 01 phong bì niêm phong có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong, mép niêm phong có đóng dấu đỏ giáp lai của cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tại mặt trước phong bì có ghi số tiền 10.300.000đ và 01 phong bì có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong, mép niêm phong có đóng dấu đỏ giáp lai của cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tại mặt trước phong bì có ghi số tiền 8.834.000đ). Bị cáo Lường Văn T còn phải trả lại số tiền lãi thu vượt mức quy định cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là 20.678.328đ. Trong đó: trả cho anh Xa Văn H1 số tiền 17.665.043đ (*Mười bảy triệu, sáu trăm sáu mươi năm nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng)*; Trả cho chị Quách Thị H2 số tiền 3.013.285đ (*Ba triệu, không trăm mười ba nghìn, hai trăm tám mươi năm đồng*).

(*Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/02/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.3. Về án phí: Bị cáo Lường Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Lường Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.033.916đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/7/2025)./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 14;
- TAND khu vực 14;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu TH và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu